

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-PT.

Ngày: 26/01/2022.

V/v: *Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái và bà Trần Thị Liên Anh.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 201/2021/TLPT-DS ngày 24/5/2021 do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H.Đ bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2021/QĐXXPT-DS ngày 30/12/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 25/TB-TA ngày 12/01/2022. Vụ án xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Đ.T.T, sinh năm 1947.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, ngõ 12, tổ 5, phường C.D, quận N.T.L, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

2/ Bà Đ.T.T1, sinh năm 1949.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, ngách 46/1 đường V.C, phường L.G, quận B.Đ, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn:

1/ Ông Đ.V.T, sinh năm 1930.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 11, ngách 31/14 đường C.V, tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.T là:

- Anh Đ.V.H, theo văn bản ủy quyền có chứng thực của UBND phường D.N ngày 18/5/2020.

- Anh Đ.V.T1, theo văn bản ủy quyền có chứng thực của UBND phường D.N ngày 19/5/2020.

Điều cư trú tại: Tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

2/ Ông Đ.V.L, sinh năm 1938.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 15, ngách 31/14 đường C.V, tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.L là:

- Chị Đ.T.K, sinh năm 1977.
- Chị Đ.T.N, sinh năm 1973.
- Chị Đ.T.L, sinh năm 1966.
- Chị Đ.T.Y, sinh năm 1962.

Đều trú tại: Phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đ.T.T, sinh năm 1932.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Q.T, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt).

2/ Bà Đ.T.L, tên gọi khác là Đ.T.L', sinh năm 1935.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Q.T, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt).

3/ Bà Đ.T.L1, tên gọi khác là Đ.T.T, sinh năm 1944.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B3/2 T.N.T, phường 8, thành phố Đ.L, tỉnh L.Đ.

Bà Đ.T.L1 xin xét xử vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho bà Đ.T.T1 (có mặt tại phiên tòa), theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2020 có chứng thực của UBND phường 8, thành phố Đ.L, tỉnh L.Đ.

4/ Ông Đ.V.C, sinh năm 1953.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Q.T, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội, (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và hồ sơ vụ án thể hiện:

Bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 khởi kiện dân sự đối với ông Đ.V.T và Đ. V. L với yêu cầu đòi quyền sử dụng thửa đất số 17 diện tích 64 m² và thửa đất số 18 diện tích 64 m² phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội vì lý do nguồn gốc đất được mẹ là cụ Đ.T.G tặng cho.

Về quan hệ huyết thống và tài sản gia đình như sau:

Vợ chồng cụ Đ.V.D (chết năm 1983) và cụ Đ.T.G sinh được 9 người con 3 trai, 6 gái gồm:

1. Ông Đ.V.T.
2. Bà Đ.T.T.
3. Bà Đ.T.L.
4. Ông Đ.V.L.

5. Bà Đ.T.L1, tên gọi khác là Đ.T.T.
6. Bà Đ.T.T2.
7. Bà Đ.T.T.
8. Bà Đ.T.T1.
9. Ông Đ.V.C.

Sinh thời cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G phát triển được những khối tài sản như sau:

Tài sản thứ nhất: Ngôi nhà tranh vách đất trên diện tích khoảng 500 m² ở địa chỉ số nhà 15, ngách 31/14 đường C.V, tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Năm 1957 vợ chồng cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G nói cho con trai lớn là ông Đ.V.L sử dụng. Trên đất có ngôi nhà cấp bốn 5 gian, ngôi nhà tre 5 gian để chăn nuôi và ngôi nhà xây 3 tầng với diện tích khoảng 70 m² một tầng.

Tài sản thứ hai: Thửa đất khoảng 342 m² ở địa chỉ số nhà 11, ngách 31/14 đường C.V, tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Trên đất có ngôi nhà 05 gian lợp ngói và ngôi nhà 02 tầng khoảng 24 m²/tầng. Nhà đất này vợ chồng cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G nói cho con trai là Đ.V.T.

Tài sản thứ ba: Thửa đất khoảng 240 m² ở sát số nhà 11 và 15, ngách 31/14 đường C.V, tổ dân phố T.N, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Trước đây trên đất có ngôi nhà ngói 04 gian. Vợ chồng cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G nói cho con trai là Đ.V.C. Thửa đất này hiện nay anh N.V.D là con ông Đ.V.C quản lý sử dụng.

Tài sản thứ tư: Thửa đất ao có diện tích 998 m² tại phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội có nguồn gốc do vợ chồng cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G mua của cụ Hai Huynh khoảng năm 1955. Quá trình quản lý, sử dụng đất ao như sau:

Năm 1977, Hợp tác xã nông nghiệp L.N mượn thửa đất ao này để làm Ao cá Bác Hồ. Đến năm 1988 Hợp tác xã trả lại gia đình thửa đất ao. Ông Đ.V.C và ông Đ.V.T là con trai thay mặt gia đình nhận lại đất ao. Sau đó 03 con trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T và ông Đ.V.C sử dụng đất ao chung với diện tích đất ao của các gia đình khác cùng được trả lại.

Năm 1992, ông Đ.V.C san lấp một phần đất ao để xây dựng nhà 3 tầng trên diện tích 128 m² trong tổng số 998 m² đất ao.

Năm 1997, cụ Đ.T.G nói chia đất ao cho 3 con trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T và ông Đ.V.C mỗi người 312 m².

Ngày 16/5/2004, trên cơ sở các gia đình phân chia đất ao, UBND xã D.N đo đạc và vẽ sơ đồ phân chia hiện trạng. Theo đó, đối với diện tích đất ao của gia đình cụ Đ.T.G được chia như sau:

- Ông Đ.V.T được sử dụng 120,5 m² tại vị trí số 6; được sử dụng 71,8 m² ở vị trí số 9 và được sử dụng 64 m² ở vị trí số 18.
- Ông Đ.V.L được sử dụng 142,5 m² tại vị trí số 10; được sử dụng 71,8 m² ở vị trí số 8 và được sử dụng 64 m² ở vị trí số 17.

- Ông Đ.V.C được sử dụng 170,5 m² tại vị trí số 5; được sử dụng 71,8 m² ở vị trí số 7 và được sử dụng 148 m² ở vị trí số 19 là nơi ông Đ.V.C xây nhà 3 tầng năm 1992.

Ngày 20/10/2002, cụ Đ.T.G viết di chúc để lại đất ao cho 3 con trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T và ông Đ.V.C với yêu cầu 3 người con trai phải đưa cho cụ Đ.T.G 10.000.000 đồng/người. Di chúc có xác nhận của UBND xã D.N ngày 21/10/2002. Sau đó, ngày 27/9/2004 cụ Đ.T.G làm đơn gửi UBND xã D.N đề nghị thay đổi di chúc nên UBND xã D.N ra Thông báo số 40/TB-UB ngày 10/12/2004 với nội dung cụ Đ.T.G sửa đổi di chúc là hợp pháp, cụ thể:

1. Cho ông Đ.V.L theo di chúc, sau này được sử dụng thửa đất số 10/142,5 m²; thửa số 8/71,8 m². Tổng diện tích 214,5 m².

2. Cho ông Đ.V.T theo di chúc, sau này được sử dụng thửa số 6/120,5 m²; còn thửa số 9/71,8 m² mà cụ Đ.T.G đã cho thì ông Đ.V.T đã chuyển quyền sử dụng cho người khác tại thời điểm ngày 20/5/2004.

3. Cho ông Đ.V.C theo di chúc, sau này được sử dụng thửa số 15/170,5 m²; thửa số 9/148 m². Tổng diện tích 318 m².

Phần đất còn lại gồm các thửa số 7/71,8 m²; thửa số 17/64 m²; thửa số 18/64 m² có tổng diện tích là 199,8 m² vẫn đứng tên cụ Đ.T.G và chưa di chúc cho ai.

Sau đó, UBND xã D.N ra Thông báo số 08/TB-UB ngày 18/4/2005 về việc trả lời đơn thư có nội dung: Theo quy định tại Điều 649, khoản 2 và khoản 3 Điều 651, Điều 655 Bộ luật Dân sự thì cụ Đ.T.G có quyền tự định đoạt tài sản của mình sau khi chết. Do đó, cụ Đ.T.G để dành 128 m² để sử dụng vào mục đích riêng là đúng pháp luật. Di chúc chưa có hiệu lực pháp luật vì chưa mở thừa kế nên các vấn đề chưa T.N giữa cụ Đ.T.G và các con thuộc nội bộ, gia đình tự giải quyết. UBND xã chỉ giải quyết các tranh chấp khi bản di chúc đã có hiệu lực pháp luật. UBND xã D.N cũng nêu thông báo này thay thế Thông báo số 40/TB-UB ngày 10/12/2004.

Ngày 20/4/2005 cụ Đ.T.G làm đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng 128 m² đất ở thửa số 17 và thửa số 18 cho hai con gái là bà Đ.T.L và bà Đ.T.T có người làm chứng trong văn bản là N.B.T và trưởng thôn Đ.Đ.N. Từ đó xảy ra tranh chấp giữa cụ Đ.T.G cùng những người con gái với hai con trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T. UBND xã D.N, sau này là UBND phường D.N nhiều lần hòa giải nhưng không đạt kết quả. Năm 2005 cụ Đ.T.G đã khởi kiện dân sự đến Tòa án nhân dân huyện H.Đ nhưng chưa được thụ lý vụ án thì cụ Đ.T.G chết.

Ngày 26/9/2019 bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận H.Đ với yêu cầu:

- Trường hợp ông Đ.V.L và ông Đ.V.T thực hiện theo di chúc của cụ Đ.T.G thì phải giao lại 128 m² đất cho các chị em gái trong gia đình.

- Trường hợp ông Đ.V.L và ông Đ.V.T không thực hiện di chúc của cụ Đ.T.G thì đề nghị chia thừa kế đất ao theo quy định của pháp luật.

Lý do khởi kiện của bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 là: Thừa đất ao là tài sản của cha mẹ. Khi Hợp tác xã L.N trả lại đất cho gia đình thì ông Đ.V.T và ông Đ.V.C chỉ là đại diện đi nhận chứ không phải Hợp tác xã L.N giao đất cho ông Đ.V.T, ông Đ.V.L, ông Đ.V.C. Ngày 27/9/2004 cụ Đ.T.G đã đề nghị ông Đ.V.L chuyển thừa đất vị trí số 17 diện tích 64 m² và ông Đ.V.T chuyển thừa đất vị trí số 18 diện tích 64 m² cho các con gái nhưng không thành nên xảy ra tranh chấp.

* Tại bản tự khai ngày 21/5/2020 của ông Đ.V.L cũng như nội dung trình bày của những người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tham gia tố tụng thể hiện:

Thời điểm năm 1986 Hợp tác xã L.N giao 2 phần ao cho các hộ gia đình. Ông Đ.V.T, ông Đ.Đ.B, ông N.H.T được giao sử dụng phần diện tích ao nhỏ. Ông Đ.V.L, ông Đ.V.T, ông Đ.V.C, ông T.C.L, ông T.N.D được giao chung đất ao to. Các gia đình tiếp tục thả cá từ năm 1986 đến năm 1990 – 1991 nhưng không hiệu quả nên đã cùng nhau san lấp ao để trồng trọt, chăn nuôi, tăng gia sản xuất ổn định cuộc sống. Khi tiến hành san lấp đất ao thì cụ Đ.T.G, bà Đ.T.T, bà Đ.T.L, bà Đ.T.T, bà Đ.T.T1 biết nhưng không có ý kiến phản đối, không đóng góp công sức mà chỉ gia đình ông Đ.V.L tham gia san lấp đất ao. Sau đó 06 thành viên trong tổ ao cá hợp T.N lập Biên bản nghị quyết ngày 02/3/1997 phân chia cụ thể: Bà Dương Thị Bích sử dụng 468 m², ông T.N.D sử dụng 234 m², ông T.C.L sử dụng 234 m², ông Đ.V.T sử dụng 312 m², ông Đ.V.L sử dụng 312 m² và ông Đ.V.C sử dụng 312 m².

Ngày 16/5/2004, UBND xã D.N đã tổ chức hội nghị về việc chia đất ao trả theo tiêu chuẩn của từng gia đình nhưng UBND xã đã rút 27 m² của ông Đ.V.L để nhập vào vị trí số 19 đã chia cho ông Đ.V.C. Trong Biên bản hội nghị có xác nhận của UBND xã D.N đã ghi nhận: Ông Đ.V.L được thừa số 10/142 m² + 8/71,8 m² + 17/64 m² với tổng diện tích là 278,3 m². Kèm theo biên bản này là sơ đồ hiện trạng về vị trí, ranh giới từng diện tích đất ao.

Ông Đ.V.L khai không biết việc cụ Đ.T.G lập di chúc năm 2002 và sửa di chúc năm 2004. Chỉ khi có thông báo của UBND xã D.N thì ông Đ.V.L mới biết có di chúc. Ông Đ.V.L cho rằng di chúc này không hợp pháp vì không phải của cụ Đ.T.G.

Khoảng năm 2004, gia đình ông Đ.V.L tiến hành xây tường rào thì bà Đ.T.T, bà Đ.T.T1, bà Đ.T.T, bà Đ.T.L phá toàn bộ phần móng tường. Ông Đ.V.L đã làm đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hành vi đập phá này nhưng chưa được giải quyết. Ông Đ.V.L cho rằng đất ao của ông được Hợp tác xã L.N giao chứ không còn là tài sản của cha mẹ để lại nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1.

* Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm của anh Đ.V.H và anh Đ.V.T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.T trình bày: Thửa đất ao của vợ chồng cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G tạo lập nhưng năm 1977 thì UBND xã D.N quản lý đất ao này. Năm 1983 cụ Đ.V.D chết. Năm 1986 UBND xã D.N trả lại ao ưu tiên cho chủ cũ. Năm 1988 có quyết định của Hợp tác xã nông nghiệp, nếu không nhận thì người khác hoặc UBND xã quản lý. Lúc đó, cụ Đ.T.G già yếu nên không nhận lại đất ao, ông Đ.V.T cùng 2 em là ông Đ.V.L, ông Đ.V.C nhận đất ao mỗi người 312 m². Việc đăng ký sử dụng đất của ông Đ.V.T đã đứng tên trong Sổ mục kê, bản đồ địa chính từ đó đến nay.

Anh Đ.V.H và anh Đ.V.T1 là đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.T khai không biết việc cụ Đ.T.G lập di chúc năm 2002 và sửa di chúc năm 2004. Chỉ khi có thông báo của UBND xã D.N thì ông Đ.V.T mới biết có di chúc. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.T cũng cho rằng di chúc này không hợp pháp vì không phải của cụ Đ.T.G. Do đó, bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 đề nghị ông Đ.V.T trả 64 m² đất ao là không đúng vì đất ao là của ông Đ.V.T, không phải của cha mẹ để lại.

* Tại Đơn đề ngày 15/5/2020 ông Đ.V.C trình bày: Thửa đất ao là của cha mẹ mua từ năm 1953. Sau khi cha là cụ Đặng Văn Dĩ chết thì mẹ là cụ Đ.T.G còn sống đến năm 2006 nên có quyền định đoạt tài sản này.

Khi ông Đ.V.C nhận đất ao về cho mẹ là cụ Đ.T.G thì gia đình riêng của ông Đ.V.C đã bị trừ tiêu chuẩn của sáu khẩu là 240 m². Gia đình ông Đ.V.T không phải trừ vì là gia đình thương binh. Cả 3 anh em trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T và ông Đ.V.C cùng sử dụng đất ao hưởng hoa lợi và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Việc phân chia đất trong tổ ao với nhau mà không thông qua cụ Đ.T.G. Sau khi cụ Đ.T.G biết, đòi lại một phần diện tích là 128 m² thì xảy ra mâu thuẫn. Là em út trong gia đình, ông Đ.V.C muốn anh chị em hòa thuận nên nói góp mấy chục mét vuông và trả lại cho cụ Đ.T.G 128 m² đất ao nhưng 2 anh trai là ông Đ.V.L và ông Đ.V.T không nghe.

Ông Đ.V.C cho rằng: Tại đất ao, được cụ Đ.T.G chia cho nhiều hơn 2 anh trai là ông Đ.V.L và ông Đ.V.T một chút cũng phù hợp vì gia đình riêng của ông Đ.V.C bị trừ 240 m² đất % và diện tích đất ở trong xóm cũng được ít hơn hai anh trai. Toàn bộ đất đai anh em trai đang sử dụng đều của cha mẹ để lại. Từ anh cả là ông Đ.V.T trở xuống, các anh em trai không mua thêm được cái gì liên quan đến nhà đất cha mẹ, vì lẽ đó không thể nói các chị em gái đòi lấy đất của ông Đ.V.L và ông Đ.V.T mà là được hưởng quyền lợi của cha mẹ để lại. Ông Đ.V.C đề nghị giải quyết vụ án nhanh chóng vì tranh chấp xảy ra từ lâu, anh chị em trong gia đình đều đã cao tuổi, nếu không giải quyết dứt điểm mà để đến thế hệ sau càng phức tạp.

* Tại bản tự khai ngày 25/7/2020 bà Đ.T.L trình bày: Cha mẹ sinh được 9 người con gồm 3 trai và 6 gái. Thửa đất ao 5 sào Bắc bộ chung sử dụng với ông

Quê, ông Mậu đã được cụ Đ.T.G chia cho các con trai nhưng lấy lại 128 m² để cho các con gái. Con trai là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T không trả lại nên xảy ra tranh chấp trong gia đình rất đau lòng. Đối với 3 anh em trai: Vì ông Đ.V.C đi bộ đội chiến đấu trở về, nhận ao đã bị trừ 240 m² đất % và đất ở trong xóm ít hơn 2 anh là ông Đ.V.L, ông Đ.V.T nên cụ Đ.T.G cho riêng một phần 128 m² đất ao đã được gia đình nhất trí. Bà Đ.T.L không xin các anh em trai đất mà nhờ pháp luật giải quyết vì đất ao là của cha mẹ để lại, thuộc quyền định đoạt của cha mẹ.

* Tại bản tự khai ngày 25/7/2020 bà Đ.T.T trình bày và đề nghị tương tự nội dung trình bày của bà Đ.T.L,

* Tại bản tự khai ngày 27/7/2020 bà Đ.T.L1 (tên thường gọi là Đ.T.T) trình bày: Bà Đ.T.L1 lập gia đình rồi chuyển vào thành phố Đ.L sinh sống từ năm 1976, ít thời gian gần gũi cha mẹ và anh chị em nên không rõ việc phân chia đất đai trong gia đình và việc mẹ ruột lập di chúc thừa kế đất đai. Những lần về thăm quê, bà Đ.T.L1 chỉ nghe các chị em nói nhà đất của cha mẹ để lại đã cho các anh em trai nhưng mẹ ruột có để lại cho các con gái một phần đất. Bà Đ.T.L1 đề nghị giải quyết thấu tình đạt lý theo quy định của pháp luật về quyền thừa kế.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H.Đ đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1.
2. Xác định 05 bà: Đ.T.T, Đ.T.T1, Đ.T.L1, Đ.T.T và Đ.T.L được quyền sử dụng thửa đất số 17 diện tích 64 m² và thửa số 18 diện tích 64 m² tại tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội theo Biên bản Hội nghị tự phân chia, tự đo vẽ ngày 16/5/2004 của 6 Hộ gia đình (có sơ đồ kèm theo).
3. Ông Đ.V.T phải trả lại thửa đất số 18 diện tích 64 m² tại tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội cho 05 bà Đ.T.T, Đ.T.T1, Đ.T.L1, Đ.T.T, Đ.T.L do bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 đại diện nhận.
4. Ông Đ.V.L phải trả lại thửa đất số 17 diện tích 64 m² tại tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội cho 05 bà Đ.T.T, Đ.T.T1, Đ.T.L1, Đ.T.T, Đ.T.L do bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 đại diện nhận.

Các đương sự nhận quyền sử dụng thửa đất số 17 và thửa đất số 18 tại tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ.V.L và ông Đ.V.T kháng cáo vì cho rằng đất ao của Hộ gia đình được giao chứ không còn là tài sản của cha mẹ hay di sản thừa kế của cụ Đ.T.G nữa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Đ.V.T1, chị Đ.T.Y và chị Đ.T.L là đại diện theo ủy quyền của ông Đ.V.T và ông Đ.V.L giữ yêu cầu kháng cáo. Luật sư V.K.H đề nghị hủy án sơ thẩm vì có vi phạm tố tụng cũng như chưa làm rõ nội dung tranh chấp. Trợ giúp viên pháp lý P.T.T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ.V.L cũng đề nghị hủy án sơ thẩm vì: Bản án sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định thiếu đương sự và xác định quyền sử dụng đất tranh chấp là di sản thừa kế không khách quan, không đúng pháp luật về đất đai.

- Bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 giữ yêu cầu khởi kiện, đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm. Trường hợp ông Đ.V.T và ông Đ.V.L không trả đất theo di chúc của cụ Đ.T.G thì đề nghị chia thừa kế toàn bộ thửa đất ao theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án đã vi phạm tố tụng khi xác định thiếu đương sự trong vụ án nên đề nghị hủy án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Tòa án xét xử sơ thẩm đã có những vi phạm về tố tụng sau đây:

[1.1]. Đơn khởi kiện cũng như quan điểm trong quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm rồi phúc thẩm thì bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 đều thể hiện yêu cầu đòi quyền sử dụng đất được thừa kế theo di chúc của cụ Đ.T.G. Cụ thể: Đòi quyền sử dụng 2 thửa đất theo di chúc của cụ Đ.T.G lập tại UBND xã D.N ngày 20/4/2005. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện theo di chúc thì bà Đ.T.T và bà Đ.T.T1 đề nghị chia thừa kế đất ao của cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G để lại theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất là không đúng.

[1.2]. Lời khai của đương sự trong vụ án thể hiện một trong những người con của cụ Đ.V.D và cụ Đ.T.G là bà Đ.T.T2 lấy chồng tên N.M.C ở Q.N. Bà Đ.T.T2 chết từ năm 1972, tuy không con đẻ nhưng có 1 con nuôi. Tòa án xét xử sơ thẩm chưa xác định thông tin về người con của bà Đ.T.T2. Trong khi đó, tại cấp phúc thẩm anh N.Đ.H.C, sinh ngày 26/4/1970, ở địa chỉ: Chung cư Plaza, tổ 2 khu 2 phường T.H.Đ, thành phố H.L, tỉnh Q.N gửi đơn đề nghị hưởng thừa kế đất ao của ông bà ngoại để lại. Kèm theo đơn, anh N.Đ.H.C gửi Giấy khai sinh số

09/2022 ngày 13/01/2022 do UBND phường T.H.Đ, thành phố H.L, tỉnh Q.N cấp sao từ sổ đăng ký khai sinh thể hiện là con của bà Đ.T.T2 với ông N.M.C (cũng đã chết sau bà Đ.T.T2). Do đó, Tòa án xét xử sơ thẩm không đưa anh N.Đ.H.C tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu sót.

[1.3]. Ngoài ra, bút lục số 75 và số 241 trong hồ sơ vụ án còn thể hiện ông Đ.V.L cũng gửi đơn khởi kiện tranh chấp 27,4 m² với vợ chồng ông Đ.V.C, bà Đ.T.L. Đây là một phần đất thừa số 1197, tờ bản đồ số 2, phường D.N, quận H.Đ, thành phố Hà Nội. Phần diện tích đất này nằm trong thửa đất ao mà các bên đang tranh chấp về thừa kế. Tòa án xét xử sơ thẩm không tiến hành thủ tục thụ lý và xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ.V.L, không đưa bà Đ.T.L tham gia tố tụng là thiếu sót.

[1.4]. Do không xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp thừa kế nên Tòa án xét xử sơ thẩm không giải quyết những vấn đề về công sức san lấp, duy trì và tôn tạo đất từ ao trở thành như hiện trạng là thiếu sót. Từ đó, Tòa án xét xử sơ thẩm không xem xét thành viên trong Hộ gia đình ông Đ.V.L, Hộ gia đình ông Đ.V.T có công sức san lấp, duy trì và tôn tạo di sản là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

[2]. Về nội dung khiếu kiện: Để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đòi thừa kế theo di chúc 128 m² ký hiệu số 17 và số 18 theo sơ đồ các hộ dân tự thỏa thuận phân chia đất ao liên quan đến toàn bộ diện tích đất ao có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Ký hiệu vị trí đất 17 và 18 nêu trên không là thông tin địa chính về quản lý nhà nước về đất đai. Tòa án xét xử sơ thẩm chỉ giải quyết đất ở vị trí số 17 và số 18 theo sơ đồ tự phân chia mà không xem xét toàn bộ diện tích đất ao còn lại là không phù hợp.

[3]. Tòa án xét xử sơ thẩm không coi đất ao là di sản thừa kế vì không giấy tờ sử dụng theo quy định của pháp luật đất đai là không chính xác. UBND xã D.N đã xác nhận đất có nguồn gốc của gia đình cụ Đ.T.G, năm 1977 Hợp tác xã L.Nmượn để làm ao cá Béc Hồ và trả lại gia đình cụ Đ.T.G năm 1988. Mặc dù không còn lưu giữ bản gốc tài liệu địa chính này nhưng tình tiết này là cơ sở để xác định diện tích đất ao tranh chấp là có giấy tờ sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4]. Tòa án xét xử sơ thẩm cũng chưa làm rõ tình tiết Hợp tác xã L.N trả lại đất ao cho ai và chính sách quản lý đất đai trong trường hợp đó áp dụng ra sao. Trong khi lời khai của ông Đ.V.L, ông Đ.V.T và cả ông Đ.V.C đều thể hiện: Tại thời điểm 1988 nhận đất ao những thành viên nêu trên của gia đình cụ Đ.T.G đều tách thành các Hộ gia đình xã viên Hợp tác xã nông nghiệp và khi nhận đất ao thì phải trừ tiêu chuẩn đất %. Tình tiết này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

Những thiếu sót của Tòa án xét xử sơ thẩm như nêu trên là nghiêm trọng, không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm.

Quan điểm tranh luận của luật sư V.K.H và Trợ giúp viên pháp lý P.T.T.T được chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí:

Ông Đ.V.L và ông Đ.V.T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do được chấp nhận kháng cáo và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không phải xử lý về tiền tạm ứng án phí.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội.

2. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận H.Đ, thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Đ.V.T và ông Đ.V.L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 26/01/2022.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận H.Đ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Luật sư V.K.H;
- TGVPL P.T.T.T;
- Lưu hồ sơ / VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường